

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 35/2023/DS -ST

Ngày: 20/6/2023

(V/v: Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi
2. Bà Trần Thị Thanh Nga

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia
phiên tòa: Bà Cao Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 60/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP A

Do bà Nguyễn Đức Thạch B, Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: đường C, phường D, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng E – Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh G.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Trung F – Nhân viên Ngân hàng TMCP A chi nhánh G.

*** Bị đơn:** Ông Phan Duy H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: tổ 7, khu phố 1, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn ông Trần Trung F, vắng mặt bị đơn ông Phan Duy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, ông Phan Duy H có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng, lãi quá hạn 150%, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Số thẻ 472075- 0545, số tài khoản thẻ 325754224, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm kể từ ngày phát hành tháng 11/2019.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 47.950.000 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.690.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn tF sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Theo đơn khởi kiện, ông H còn nợ tiền gốc là 38.692.063 đồng. Đến ngày 15/05/2023 ông H thanh toán tiếp cho ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ 28.692.063 đồng.

Tính đến ngày 20/06/2023, ông H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 28.692.063 đồng. Nợ lãi trong hạn (tính từ ngày 23/04/2021 đến 20/06/2023) là: 25.989.633 đồng. Nợ lãi quá hạn (tính từ ngày 23/04/2021 đến 20/06/2023) là 12.995.066 đồng. Tổng cộng 67.676.762 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Duy H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền đến ngày 20/06/2023 là 67.676.762 đồng (trong đó nợ gốc 28.692.063 đồng, lãi trong hạn là 25.989.633 đồng và lãi quá hạn là 12.995.066 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 21/06/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn ông Phan Duy H có hộ khẩu thường trú tại khu phố 1, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhưng hiện nay ông không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để xét xử vắng mặt ông H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Duy H có hộ khẩu thường trú tại khu phố 1, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký giữa Ngân hàng TMCP A với ông Phan Duy H có ghi đầy đủ và đúng địa chỉ hộ khẩu thường trú của ông H ở tổ 7, khu phố 1, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là phù hợp với tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án chính quyền địa phương cho biết ông H có hộ khẩu thường trú tại tổ 7, khu phố 1, phường I, thành phố Phan Thiết nhưng hiện nay ông không còn sinh sống tại đây. Ông H không còn sinh sống tại địa phương gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông trong hợp đồng đã ký với ngân hàng mà ông không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới nên trường hợp này được coi như cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án. Theo lời khai của ngân hàng ông H có biết việc khởi kiện nên ngày 15/5/2023 ông H có gửi vào tài khoản trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng nhưng ông không đến tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp nhận thấy:

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, ông Phan Duy H có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Số thẻ 472075- 0545, số

tài khoản thẻ 325754224, thời hạn sử dụng thẻ là 5 năm kể từ ngày phát hành tháng 11/2019.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 47.950.000 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H còn nợ Ngân hàng số tiền 38.692.063 đồng. Qua nhiều lần làm việc yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông không thực hiện nên ngày 22/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn tF sang nợ quá hạn. Đến ngày 15/5/2023 ông H có trả cho ngân hàng 10.000.000 đồng. Do đó, tính đến ngày 20/06/2023, ông H còn nợ tiền gốc là 28.692.063 đồng, nợ lãi trong hạn là 25.989.633 đồng (tính từ ngày 23/04/2021 đến 20/06/2023), nợ lãi quá hạn là 12.995.066 đồng (tính từ ngày 23/04/2021 đến 20/06/2023). Tổng cộng 67.676.762 đồng.

Xét thấy, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng vào thẻ tín dụng của ông H do ngân hàng phát hành, số thẻ là 472075-0545, số tài khoản thẻ là 325754224 và ông H đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng vào ngày 28/11/2019. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị ông H đã xác nhận ông đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, rằng buộc về mặt pháp lý giữa ông với ngân hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, ông chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng ông được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm hợp đồng nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H vào ngày 22/5/2021 và số tiền gốc còn lại và lãi đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết với ngân hàng, nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận và buộc ông phải trả nợ cho ngân hàng số tiền 67.676.762 đồng (trong đó nợ gốc 28.692.063 đồng, nợ lãi 38.984.699 đồng) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 21/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;

- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Buộc ông Phan Duy H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 67.676.762 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng, trong đó tiền gốc là 28.692.063 đồng, tiền lãi trong hạn là 25.989.633 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.995.066 đồng*) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 21/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/11/2019 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 04/01/2018.

3/ Về án phí: Ông Phan Duy H phải nộp 3.384.000 đồng (*Ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.053.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015472 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan